

Bản án số: 333/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 07 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thuý Phượng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hoài – kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa: 162/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/07/2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ E ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2. ***Bị đơn:*** Ông Cao Văn V, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ A ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Cao Văn V tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng về quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, ông **V** không quan tâm, chăm sóc cho gia đình nên giữa bà **A** và ông **V** không sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Bà **A** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, Bà **A** yêu cầu được ly hôn với ông **Cao Văn V**.

- Về con chung: Có 02 con chung **Cao Cát A1**, sinh ngày 26/02/2017 và **Cao Nam H**, sinh ngày 13/4/2018 hiện đang sống với bà **A1**, khi ly hôn bà **A1** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông **Cao Văn V** đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông **V** đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng A** từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông **Cao Văn V** từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Hồng A** đối với ông **Cao Văn V**; về con chung: Giao 02 con chung **Cao Cát A1**, sinh ngày 26/02/2017 và **Cao Nam H**, sinh ngày 13/4/2018 cho bà **A1** được tiếp tục nuôi dưỡng, ông **V** không phải cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Văn V, về con chung bà yêu cầu được nuôi nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Cao Văn V với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Cao Văn V không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông V không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Văn V.

Bà Nguyễn Thị Hồng A có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do: hiện nay do đi làm thuê ở xa nên đi lại khó khăn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng A.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Cao Văn V là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà A cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Hồng A có yêu cầu được ly hôn ông Cao Văn V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: bà A với ông V có 02 con chung tên Cao Cát A1, sinh ngày 26/02/2017 và Cao Nam H, sinh ngày 13/4/2018, khi ly hôn cho bà A1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung muốn sống với bà A1. Trong quá trình tố tụng ông V không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu nuôi con của bà A1 nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Q được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà A1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng A được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng A, bà Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với ông Cao Văn V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78, ngày 01 tháng 08 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Cao Văn V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Cao Cát A1, sinh ngày 26/02/2017 và Cao Nam H, sinh ngày 13/4/2018, cho bà A1 được tiếp tục nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng A phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006115, ngày 19/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Diệu**